

1237

1991

R

CHƯƠNG TRÌNH 98A
ĐỀ TÀI 98A-02-05

HOÀN THIÊN CƠ CHẾ
KÍCH THÍCH ĐỔI MỚI KỸ THUẬT
TRONG
CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ SẢN XUẤT

VIỆN QUẢN LÝ KHOA HỌC

1989

6/12/91

CHƯƠNG TRÌNH 98 A

**Nghiên cứu những vấn đề chủ yếu trong hệ thống
quản lý kinh tế của Việt Nam**

BÁO CÁO KHOA HỌC

Đề tài 98A-02-05

TÊN ĐỀ TÀI :

• HOÀN THIỆN

**CƠ CHẾ KÍCH THÍCH ĐỔI MỚI KỸ THUẬT
TRONG CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ SẢN XUẤT***

Chủ nhiệm đề tài : Vũ Cao Đàm

Các thành viên : Bạch Tân Sinh

Phạm thị Trần Thịnh

Thư ký đề tài : Bạch Tân Sinh

DANH SÁCH KINH NGHIỆM ĐÃ THAM GIA
VÀO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẾ TÀI

- | | |
|------------------------|---|
| 1. Nguyễn Thị Hằng | PTS. Viện Quản lý Khoa học |
| 2. Lê Văn Chương | Kỹ sư Viện Quản lý Khoa học |
| 3. Nguyễn Thanh Hà | Cao học Viện Quản lý Khoa học |
| 4. Nguyễn Thị Hà | Kỹ sư Giám đốc Nhà máy dệt
S/3 Hà Nội |
| 5. Nguyễn Đình Phan | PTS. CBGD Đại học Kinh tế
Quốc dân Hà Nội |
| 6. Lê Sĩ Thiệp | PTS. CBGD Đại học Kinh tế
Quốc dân Hà Nội |
| 7. Đỗ Hoàng Thịnh | PTS. Giám đốc Nhà máy Cơ khí
Trần Hưng Đạo Hà Nội |
| 8. Phan Thị Ngọc Thuận | CBGD Đại học Bách Khoa Hà Nội |
| 9. Nguyễn Văn Vy | Trung tâm phân tích hệ thống
Viện Quản lý Kinh tế. |

LỜI NÓI ĐẦU

BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI

Mở đầu	1
1. Vai trò của "trí tuệ" trong sản xuất	1
2. Nguồn gốc của năng lực cạnh tranh trong nền sản xuất hiện đại	3
3. Những kết luận giả định cho nội dung nghiên cứu	4
4. Mục đích nghiên cứu của đề tài	5

PHAN THU NHẬT : QUAN ĐIỂM GỐC CỦA ĐỀ TÀI 7

I. Đặt vấn đề	7
II. Vấn đề kinh tế hàng hóa trong chủ nghĩa xã hội	8
III. Quy luật đổi mới công nghệ trong nền sản xuất hàng hóa	11

PHAN THU HẢI : SU PHÂN TÍCH CỦA MẠC VỀ CÁC NHÂN TỐ KÍCH THÍCH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ TRONG NỀN SẢN XUẤT HÀNG HÓA 14

I. Xét trong quá trình sản xuất	14
1. Chất lượng sản phẩm và sản phẩm mới	14
2. Lợi nhuận siêu ngạch	15
3. Năng suất lao động	16
4. Cấu tạo hữu cơ của Tư bản	18
5. Tỷ suất lợi nhuận vốn đầu tư	19
6. Tiết kiệm tư bản bất biến gắn liền với tiến bộ khoa học và kỹ thuật nâng cao hiệu quả kinh tế vốn đầu tư	19
II. Xét trong quá trình lưu thông	21
1. Rút ngắn thời gian chu chuyển và tăng số vòng chu chuyển của tư bản cố định	22
2. Rút ngắn thời gian sản xuất	
3. Rút ngắn thời gian lưu thông	25

	Trang
PHAN THU BA : TINH HINH PHAT TRIEN CONG NGHE O NUOC TA	27
3.1. Phân tích hiệu quả của công nghệ trong một nền kinh tế không cạnh tranh	27
1. Khảo sát một số chỉ tiêu tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế quốc dân	27
2. Một số chỉ tiêu của các ngành công nghiệp	28
3. Một số chỉ tiêu trong ngành nông nghiệp	30
4. Một số chỉ tiêu tổng hợp về tình hình sử dụng vật tư	31
3.2. Quan hệ giữa cơ chế quản lý với sự phát triển công nghệ sản xuất	32
1. Những nhân tố cản trở đổi mới công nghệ trong hệ thống quản lý kinh tế kiểu cũ	
3.3. Ảnh hưởng của cải cách trong cơ chế quản lý đến phát triển công nghệ	36
3.4. Vấn đề của các giải pháp lựa chọn	39
PHAN THU TU : KIEN NGHI VE CAC BIEN PHAP KICH THICH DOI MOI CONG NGHE TRONG CO CHE QUAN LY KINH TE	42
4.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu đổi mới công nghệ và mục tiêu phát triển sản xuất	42
4.2. Cơ sở kinh tế và xã hội của các giải pháp công nghệ	45
1. Yêu cầu nội tại của các giải pháp công nghệ	45
2. Nguồn vốn cho việc mua công nghệ	46
3. Môi trường kinh tế và xã hội	48
4.3. Luận cứ cho việc hình thành cơ chế quản lý nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ trong sản xuất	50
1. Kích thích tạo ra lợi nhuận siêu ngạch	50
2. Quyền tự chủ của các nhà kinh doanh trong sản xuất	52
3. Kiên trì phát triển kinh tế nhiều thành phần	53
4. Cổ phần hóa xí nghiệp quốc doanh	53
5. Vấn đề nghĩa vụ và lợi ích của giám đốc	53

	Trang
4.4. Phương hướng thiết kế cơ chế quản lý	54
1. Đặt vấn đề	54
2. Dự kiến về các phương án thiết kế biện pháp kích thích đổi mới công nghệ trong cơ chế quản lý kinh tế	55
PHAN THU NAM : QUYET DINH 134-HDBT . Một bước tiến trong việc hoàn thiện cơ chế quản lý thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong sản xuất	60
KET LUAN	65
CAC CHUYEN DE	
- Một số nhân tố cản trở đổi mới công nghệ trong cơ chế quản lý kinh tế cũ (trước khi ban hành Quyết định 217-HDBT)	66
Lêch Tâm Sinh	
- Phân tích cơ chế kích thích tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý kinh tế dưới góc độ tiếp cận hệ thống	
Nguyễn Văn Vị	73
- Phân tích và đánh giá động lực thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật trong cơ chế quản lý xí nghiệp	
Phan Thị Ngọc Thuận	86
- Vấn đề đổi mới công nghệ đối với nền sản xuất công nghiệp Việt nam	
Lê Sĩ Thiệp	94
- Bước đầu tìm hiểu nguyên nhân cản trở đổi mới kỹ thuật trong cơ chế quản lý kinh tế hiện nay	
Phạm Thị Trần Thịnh	106
- Khấu hao tài sản cố định và ảnh hưởng của nó đến việc áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất	
Nguyễn Thị Băng	118
TU LIEU THAM KHAO	
- Điều tra xã hội học về các biện pháp quản lý nhằm thúc đẩy tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong nền kinh tế quốc dân	
Nguyễn Thanh Hà xử lý	127
- Cuộc điều tra xã hội học ở Hungari về các nhân tố cản trở đổi mới	
Vũ Cao Đàm xử lý	150

LỜI NÓI ĐẦU

Báo cáo này là tổng kết các hoạt động nghiên cứu của đề tài 98A-02-05 được thực hiện trong thời gian 1986-1989.

Đề tài được triển khai theo nhiều phương thức khác nhau :

- Hội thảo khoa học để phát hiện vấn đề, xây dựng luận điểm.

- Nghiên cứu riêng biệt về cơ sở lý luận kinh tế mác-xít và những cơ sở lý luận kinh tế đang thịnh hành ở các nước kinh tế thị trường phát triển.

- Khảo sát thực tế và nghiên cứu thống kê

- Phỏng vấn, trao đổi cá biệt với các giám đốc xí nghiệp.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã cho ra một kỷ yếu khoa học vào năm 1987, bao gồm những nghiên cứu của cộng tác viên, những kết quả điều tra xã hội học trong nước và ngoài nước, tài liệu tham khảo và những khủng hoảng trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vào cuối thập niên này.

Nội dung đề tài được trình bày trong báo cáo này bao gồm :

- Báo cáo tổng kết đề tài

- Các chuyên đề tham khảo

- Phụ lục

Báo cáo tổng kết gồm 5 phần, phân công viết như sau :

Vũ Cao Đàm : Mở đầu

Phần I, III, IV, V

Kết luận

Phạm Thị Trần Thịnh: Phần II.

Đề tài được hoàn thành năm 1989. Trong quá trình thực hiện đề tài, các tác giả được sự hỗ trợ tích cực của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế và Viện Quản lý Khoa học.

Các tác giả xin chân thành cảm ơn.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 1989

BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI

Người viết : Vũ Cao Đàm

Phạm Thị Trần Thịnh.

MỞ ĐẦU

Bước vào đầu thập kỷ này, tháng 3 năm 1962 ở Pháp đã diễn ra một cuộc tọa đàm về mối quan hệ giữa năng lực cạnh tranh của xí nghiệp và tiến bộ kỹ thuật, mà những đánh giá và dự đoán thời đó vẫn còn mang tính thời sự khi chúng ta bước vào thập kỷ cuối cùng của thế kỷ 20.

Vấn đề đặt trước chúng ta là, càng ngày khoa học và công nghệ càng có vai trò quyết định trong sự phát triển kinh tế và xã hội.

Quan sát một sự biến động đáng chú ý về giá cả có thể cho phép rút ra những kết luận quan trọng cho việc hoạch định chiến lược kinh doanh.

Chẳng hạn, cuối thập kỷ 70, giá dầu mỏ đã tăng gấp 15 lần, trong khi tiền lương ở Pháp chỉ tăng trên 3 lần một chút. Cũng trong thời gian đó, giá máy vi tính, giá các mặt hàng vi điện tử, giá của trí tuệ, trí nhớ và lôgic nhân tạo đã rẻ đi khoảng 100 lần. Các xu hướng đó đang có khả năng vẫn tiếp tục phát triển.

Tình hình này cho phép rút ra những nhận xét về vai trò của khoa học và công nghệ trong nền sản xuất hiện đại.

1. Vai trò của "trí tuệ" trong sản xuất

Người ta có thể nhận thấy ở mọi nơi rằng các sản phẩm trong nền sản xuất hiện đại chứa đựng ít năng lượng và nguyên liệu hơn, ít lao động không chuyên giỏi nghề, và nhiều "trí tuệ" hơn.

Sean Daniel le Franc đã đưa ra mấy nhận xét (1a) :

1) Lấy ví dụ một ngành công nghiệp đặc biệt, có xu

(1a) J.D.le Franc : Le Progrès technologique et l'organisation de l'Entreprise. Bulletin du Crédit national, Mars 1982.

hướng thêm nhập cho toàn bộ các ngành công nghiệp khác, đó là công nghiệp tin học.

Khi phân tích giá cả của máy tính, người ta thấy rằng trong chi phí chế tạo, tỉ trọng phần mềm đã tăng lên rất nhiều. Tỉ trọng này vào khoảng 20% trong những năm 80, đã tăng lên tới 80%. Nhiều người cho rằng nó sẽ đạt 90% trong thời gian tới. Trong con số 80% hiện thời, việc nghiên cứu phần mềm mới chiếm khoảng 30%, việc bảo dưỡng các phần mềm hiện có chiếm khoảng 30% và phần còn lại được dành cho việc nghiên cứu, việc xác định và sửa chữa các sai lỗi.

2) Tỷ lệ tổng doanh số mà các xí nghiệp dành cho công tác nghiên cứu và triển khai tăng nhanh rõ rệt. Các tỉ lệ này trong khoảng 5-10% hiện nay không còn là những ngoại lệ hiếm hoi, mà là những con số ngày càng phổ biến, dĩ nhiên với mức độ phân tán rất lớn. Trong một số ngành công nghiệp đặc biệt, ví dụ ngành điện tử chuyên nghiệp, tỉ lệ phần trăm về nghiên cứu và triển khai có thể đạt tới 25%. Trong các ngành hoạt động khác nằm ở giới hạn của dịch vụ và của công nghiệp, ví dụ chế tạo các phần mềm đặc biệt, tỉ lệ đó có thể lên tới 100%. Người ta có thể nói rằng trong trường hợp đặc biệt đó, người ta chỉ còn bán có phần triển khai mà thôi.

3) Số lượng kỹ sư và cán bộ có xu hướng tăng thêm nhanh hơn rõ rệt so với số lượng công nhân. Và trong khối công nhân, phần công nhân chuyên nghiệp không giới nghề có xu hướng giảm, trong khi phần công nhân thật giỏi nghề lại có xu hướng tăng. Có thể lấy ví dụ, ở Công ty Điện cơ Thomson (Pháp) tỉ lệ phần trăm kỹ sư và cán bộ hiện đã đạt tới con số khoảng 17% vào đầu những năm 80.

Như vậy mà chỉ trong một thời hạn rất ngắn sắp tới, nhiều chuyên gia dự kiến số lượng kỹ sư và cán bộ sẽ vượt số lượng công nhân.

Những nhận xét trên xác nhận rằng "trí tuệ" đang chiếm vị trí ngày càng lớn trong nền sản xuất hiện đại.

Từ đây, có thể rút ra kết luận là cuộc cạnh tranh về giá cả chi phí hiện nay vẫn là chủ yếu. Tuy nhiên, vấn đề không phải chỉ là giảm các chi phí chung, mà điều đáng chú ý nhiều hơn là phải cải tiến năng suất của các bộ phận phục vụ, mà người ta thường quen gọi một cách không đúng là những người phải sản xuất.

Người ta ước tính rằng ở Mỹ, trong hai mươi năm vừa qua năng suất ngành công nghiệp đã tăng khoảng 85%, trong khi đó, năng suất trong các bộ phận phục vụ chỉ tăng thêm có 4%. Điều đó cho thấy, chất lượng của những ngành "phục vụ" đã tăng lên rất mạnh. Nguyên nhân ẩn tàng trong đó là sự phát huy cao độ vai trò của trí tuệ, sự nâng cao hàm lượng trí tuệ trong công nghệ sản xuất, kết quả của sự thâm nhập các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào quá trình sản xuất.

2. Nguồn gốc của năng lực cạnh tranh trong nền sản xuất hiện đại.

Trong giai đoạn hiện tại của thế giới, đó là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, dù là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đều khó tránh khỏi phải tham gia vào quá trình cạnh tranh.

Đối với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, cạnh tranh tồn tại như một tất yếu kinh tế.

Đối với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thì, xu thế phát triển của thế giới hiện đại cũng buộc các nước xã hội chủ nghĩa không thể giữ vững đường lối phát triển khép kín toàn diện như nửa đầu thế kỷ 20. Mọi nước xã hội chủ nghĩa, dù là nước có tiềm lực kinh tế, khoa học và kỹ thuật to lớn như Liên Xô, cũng không thể không mở rộng quan hệ hiệp tác và phân công lao động trên qui mô toàn thế giới, không thể không bị cuốn hút vào cuộc cạnh tranh với các nước đế quốc đầu sỏ nhằm giành thế đứng cho chủ nghĩa xã hội.

Điều này càng có ý nghĩa sống còn hơn đối với những nước xã hội chủ nghĩa còn ở trình độ phát triển thấp như nước ta.

Trong điều kiện trình độ công nghệ của sản xuất phát triển, trong đó hàm lượng "trí tuệ" ngày càng tăng trong mỗi sản phẩm hàng hóa, là cơ sở không ngừng nâng cao giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa, thì không nhà kinh doanh nào có thể tạo ra năng lực cạnh tranh nếu không tạo ra một hàm lượng "trí tuệ" ngày càng nâng cao trong sản phẩm hàng hóa của mình.

Một xe đạp Peugeot và một xe đạp Viha cùng có khối lượng vật liệu tương đương, nhưng xe Peugeot nhờ được chế tạo ở một trình độ công nghệ cao hơn hẳn, nên đã có giá trị cao hơn hẳn xe Viha (có lúc đã lớn hơn hàng chục lần). Đó là hình ảnh cụ thể và sơ giản nhất về sự so sánh hiệu quả đầu tư bằng cách nâng cao hàm lượng "trí tuệ" trong hàng hóa.

3. Những kết luận giả định cho nội dung nghiên cứu.

Đương nhiên, nhận thức vấn đề này không quá khó khăn. Song nhiều người đặt câu hỏi: Vậy vì sao ở nước ta và ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trình độ công nghệ ngày càng kém xa so với các nước kinh tế thị trường? Phải chăng trình độ công nhân và kỹ sư ở các nước xã hội chủ nghĩa kém cỏi? Phải chăng các nhà lãnh đạo sản xuất và lãnh đạo kinh tế ở những nước này không có ý thức đổi mới công nghệ?

Trả lời những câu hỏi đó không đơn giản. Bởi vì trong đường lối của các Đảng Cộng sản và công nhân đều rất xem trọng việc áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật để xây dựng chủ nghĩa xã hội, để tạo ra năng suất lao động cao, xem đó là cơ sở cho sự chiến thắng của một hình thái kinh tế - xã hội này đối với một hình thái kinh tế - xã hội khác.

Những người nghiên cứu xung quanh vấn đề này đã tiến hành nhiều cuộc điều tra và đi đến một nhận thức sơ bộ: nguyên nhân kìm hãm đổi mới công nghệ chính nằm trong cơ chế quản lý kinh tế.

Lấy một ví dụ đơn giản: Cơ chế định giá bán buôn xí nghiệp trước đây tính bằng giá thành cộng thêm khoản lợi nhuận định mức cũng xác định theo một số phần trăm của giá thành là một nguyên nhân căn bản làm cho người sản xuất luôn có xu hướng sản xuất với giá thành cao. Điều đó có nghĩa, họ không

muốn đổi mới công nghệ để giảm giá thành.

Như vậy, nghiên cứu những nhân tố cản trở đổi mới công nghệ trong cơ chế quản lý, tìm biện pháp khắc phục những nhân tố ấy, chính là con đường nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, khắc phục sự lạc hậu về kỹ thuật trong nền sản xuất của chủ nghĩa xã hội.

4. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Một trong những vấn đề thường được đề cập trong khi đánh giá hiện trạng sản xuất ở nước ta là sự thấp kém trong trình độ công nghệ của sản xuất.

Bản về nguyên nhân của tình trạng lạc hậu về công nghệ chúng ta thấy có nhiều khía cạnh được xem xét:

- Thiếu vốn đầu tư, cả nội tệ và ngoại tệ để nhập công nghệ.
- Thiếu thông tin làm cơ sở cho việc lựa chọn công nghệ.
- Sự bảo thủ của những người quản lý.
- Những nguyên nhân sâu xa từ trong cơ chế quản lý sản xuất.

Đề tài này nhằm vào vấn đề cuối cùng, là những nguyên nhân không trực tiếp gắn với ý muốn đổi mới công nghệ của các nhà quản lý, mà nằm trong lòng cơ chế quản lý sản xuất đã gây tác dụng trì kéo và kìm hãm khả năng đổi mới công nghệ.

Mục đích nghiên cứu nhằm:

- Phát hiện các nhân tố cản trở đổi mới công nghệ của sản xuất;

- Xây dựng kiến nghị về một cơ chế quản lý kinh tế kích thích người sản xuất nhạy cảm với đổi mới công nghệ, khắc phục sự lạc hậu về công nghệ trong nền sản xuất của nước ta.

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên đây, một số nhiệm vụ cụ thể đã được triển khai: